HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 02/2018/NQ-HĐND	*Hải Dương, ngày 11 tháng 7 năm 2018*

NGHỊ QUYẾT
Quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp tỉnh Hải Dương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG KHOÁ XVI, KỲ HỌP THỨ 6

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

Căn cứ Thông tư số 50/2015/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2015 của Bộ Công thương quy định về nội dung, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, quản lý quy hoạch phát triển ngành công nghiệp và thương mại;

Xét Tờ trình số 43/TTr-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Uỷ ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp tỉnh Hải Dương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp tỉnh Hải Dương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 với các nội dung chính sau:

1. Tên Quy hoạch: Quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp tỉnh Hải Dương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

2. Quan điểm, mục tiêu phát triển

a) Quan điểm phát triển

- Phát triển công nghiệp theo đúng định hướng của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI; phù hợp với quy hoạch tổng thể và chiến lược phát triển các ngành công nghiệp Việt Nam; gắn với sự phát triển công nghiệp của vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ, vùng Đồng bằng sông Hồng, phù hợp với quy hoạch xây dựng vùng Thủ đô Hà Nội, bảo đảm khai thác được lợi thế phát triển công nghiệp của tỉnh, xây dựng mối liên kết phát triển bền vững, bảo vệ môi trường với các tỉnh trong vùng.

- Đổi mới cách thức tăng trưởng công nghiệp từ chiều rộng sang chiều sâu, từng bước cơ cấu lại các ngành công nghiệp của tỉnh theo hướng hiện đại, nâng cao hiệu quả, năng lực cạnh tranh, ưu tiên khuyến khích phát triển công nghiệp hỗ trợ.

- Phát triển công nghiệp dựa trên cơ sở phát triển các thành phần kinh tế, chủ yếu là thành phần kinh tế ngoài quốc doanh và FDI. Chú trọng kêu gọi các nhà đầu tư nước ngoài tham gia đầu tư vào những lĩnh vực, ngành công nghiệp mà các nhà đầu tư trong nước còn yếu và thiếu kinh nghiệm.

- Coi trọng hàng đầu việc xây dựng cơ sở hạ tầng và tạo môi trường thuận lợi để thu hút các dự án đầu tư trong và ngoài nước. Khuyến khích, tạo điều kiện cho kinh tế tư nhân đầu tư vào sản xuất công nghiệp và tạo mối liên kết giữa các doanh nghiệp tư nhân với các doanh nghiệp FDI.

- Phát triển công nghiệp gắn với bảo vệ môi trường, phát triển bền vững, và củng cố tiềm lực quốc phòng an ninh. Không chấp thuận đầu tư những dự án gây ô nhiễm môi trường, công nghệ lạc hậu và giá trị gia tăng thấp. Hạn chế chấp thuận các dự án đầu tư ngoài khu, cụm công nghiệp đã được quy hoạch.

b) Mục tiêu phát triển

- Giai đoạn 2016-2020, tốc độ tăng trưởng công nghiệp về giá trị gia tăng đạt 10,9%/năm và tăng trưởng giá trị sản xuất đạt khoảng 13,1%/năm; giá trị sản xuất công nghiệp tính theo giá so sánh năm 2010 toàn tỉnh, năm 2020, đạt khoảng 225 nghìn tỷ đồng và đóng góp khoảng 50,5% trong cơ cấu GRDP tỉnh; giai đoạn 2021-2025, tốc độ tăng trưởng công nghiệp về giá trị gia tăng đạt 15,2%/năm và về giá trị sản xuất đạt trên 15%/năm; giá trị sản xuất công nghiệp tính theo giá quy đổi năm 2010 toàn tỉnh, năm 2025, đạt khoảng 452 nghìn tỷ đồng và đóng góp 59,2% trong cơ cấu GRDP tỉnh.

- Giai đoạn đến năm 2025: Tích cực tái cơ cấu các ngành công nghiệp theo hướng tập trung phát triển, nâng cao năng lực và tỷ trọng của các ngành công

nghiệp có lợi thế, có giá trị nội địa hóa cao như: điện tử, viễn thông, thép chất lượng cao, thép chuyên dụng, ô tô, vật liệu xây dựng mới, công nghiệp chế biến thực phẩm. Phát triển công nghiệp hỗ trợ cho ngành cơ khí chế tạo, điện, điện tử; liên kết chuỗi. Tiếp tục duy trì, bảo tồn và phát triển bền vững các nghề truyền thống, sản xuất tiểu thủ công nghiệp của địa phương và tăng giá trị xuất khẩu.

- Giai đoạn sau 2025: Nâng cao tỷ lệ nội địa hóa, chú trọng khâu thiết kế, tạo mẫu sản phẩm; khẳng định vị thế các ngành công nghiệp hỗ trợ Hải Dương trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cả nước...; Phát triển ngành công nghiệp môi trường, ưu tiên phát triển công nghệ cao, công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng.

3. Định hướng phát triển

- Phát triển và phát huy tối đa những tiềm năng thế mạnh của tỉnh trong giai đoạn tới như công nghiệp chế biến nông lâm sản, chế tạo, công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng để bảo đảm nhu cầu trong nước và tăng nhanh xuất khẩu.

- Mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm công nghiệp chế biến trên cơ sở xây dựng phát triển thương hiệu vùng miền, nguồn gốc xuất xứ đảm bảo tạo cơ hội tham gia hội nhập thị trường quốc tế.

- Lựa chọn phát triển các ngành công nghiệp, các sản phẩm công nghiệp sử dụng công nghệ cao, tiết kiệm năng lượng, tiêu tốn ít tài nguyên, thân thiện môi trường, có khả năng tạo ra giá trị kinh tế cao. Đồng thời tăng nhanh hàm lượng khoa học, công nghệ và tỷ trọng giá trị nội địa hoá trong sản phẩm công nghiệp.

Giai đoạn đến năm 2025, tập trung phát triển một số ngành sau:

+ Công nghiệp cơ khí chế tạo máy móc thiết bị và gia công kim loại;

+ Công nghiệp sản xuất thiết bị điện, điện tử;

+ Công nghiệp hỗ trợ ngành cơ khí chế tạo;

+ Công nghiệp hỗ trợ ngành sản xuất và lắp ráp điện tử;

+ Công nghiệp hoá chất;

+ Phát triển ngành công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản phục vụ xuất khẩu và tiêu dùng trong nước với chất lượng đạt tiêu chuẩn quốc tế;

4. Phương án quy hoạch, định hướng phát triển các ngành công nghiệp

a) Phương án quy hoạch

- Sắp xếp lại các cơ sở sản xuất hiện có về dệt may, da giầy, chế biến gỗ, sản xuất tiểu thủ công nghiệp làng nghề tổ chức hoạt động có hiệu quả;

- Nghiên cứu và đầu tư phát triển cơ sở chế biến sâu về luyện kim, sản xuất sản phẩm thép chế tạo; các dự án chế biến nông lâm thủy sản (*chế biến nông sản*

sạch, chế biến gỗ, sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ từ gỗ,...) được đầu tư và phát huy hết năng lực sản xuất và thực hiện tốt chủ trương phát triển vùng nguyên liệu của tỉnh;

- Triển khai đầu tư mới và mở rộng các cơ sở sản xuất và cung ứng nước sạch tập trung tại các khu đô thị trên địa bàn tỉnh. Xây dựng từ 1 đến 3 cơ sở sản xuất, tái chế rác thải trên địa bàn tỉnh; phấn đấu đến năm 2025 - 2030, các địa điểm tập kết, bãi thu gom rác thải đều được đầu tư cơ sở sản xuất tái chế rác thải phục vụ dân sinh. Ngân sách hỗ trợ cho các hoạt động thu gom xử lý rác thải, chất thải, cung ứng nước sạch trên địa bàn, trong giai đoạn đầu đến năm 2020,

- Phấn đấu đến năm 2025, các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn đã xây dựng cơ sở hạ tầng, có tỷ lệ lấp đầy trên 70% và đến năm 2030 đạt trên 90%;

- Công nghệ sản xuất các dự án công nghiệp phát triển mới đều đạt trình độ tiên tiến, hiện đại 4.0. Tạo được mối liên kết hợp lý giữa các doanh nghiệp cùng tham gia vào các công đoạn sản xuất ra sản phẩm. Tăng chủng loại sản phẩm công nghiệp hỗ trợ về cơ khí, điện tử, dệt may.

b) Định hướng Quy hoạch phát triển các ngành công nghiệp

b1. Ngành công nghiệp cơ khí, luyện kim:

- Phát triển mạnh công nghiệp hỗ trợ ngành cơ khí chế tạo và coi đây là động lực để phát triển công nghiệp hỗ trợ chung. Đặc biệt, tập trung vào các khâu đúc, rèn gia công chi tiết máy phục vụ cho ngành công nghiệp cơ khí chế tạo, điện – điện tử.

- Tiếp tục đầu tư phát triển vào các ngành cơ khí mà địa phương có lợi thế: cơ khí đóng tàu, cơ khí phục vụ khai thác và dịch vụ chế biến nông lâm sản. Đẩy mạnh thu hút đầu tư, phát triển công nghiệp hỗ trợ nhằm chế tạo, sản xuất linh kiện, phụ tùng phục vụ cho các ngành công nghiệp chế tạo cho các tỉnh thành lân cận và trong cả nước.

- Đẩy mạnh hoạt động tiếp nhận chuyển giao và đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ sản xuất theo hướng sử dụng công nghệ cao, tiết kiệm nguyên liệu, năng lượng và thân thiện môi trường.

- Chú trọng các dự án đầu tư sản xuất các kim loại cao cấp (*có hàm lượng các-bon và các tạp chất thấp; kim loại màu có tính năng đặc biệt*), các hợp kim đặc chủng với nhiều đặc tính nổi trội.

b2. Ngành công nghiệp điện - điện tử

- Sản xuất tập trung với trình độ công nghệ cao các nhóm sản phẩm: sản xuất linh kiện điện tử; điện tử dân dụng (*điện thoại, máy điều hoà không khí, ti vi, tủ lạnh,...*); các sản phẩm điện tử văn phòng (*máy photocopy, máy fax, máy*

tính,...), thiết bị truyền thông; điện, điện tử phục vụ công nghiệp; Đồng thời, tạo điều kiện phát triển một số nhóm ngành hỗ trợ đang có nhu cầu phát triển để phục vụ cho công nghiệp sản xuất sản phẩm điện, điện tử.

- Tập trung khai thác hết năng lực sản xuất đã có, đầu tư mở rộng một số cơ sở sản xuất các sản phẩm như: sản xuất dây, cáp điện; cáp viễn thông các loại; sản xuất cáp dây điện, điện tử sử dụng trong ngành công nghiệp ô tô; sản xuất các linh kiện, bộ phận, chi tiết điện và điện tử dùng cho các thiết bị gia dụng, xe máy, ô tô, thuyền máy và máy nông nghiệp; màn hình tinh thể lỏng, máy tính....

- Đầu tư nhà máy sản xuất các phụ kiện điện, thiết bị viễn thông, thông tin liên lạc phục vụ ngành công nghiệp đóng tàu của tỉnh;

- Tiếp tục thu hút đầu tư các nhà máy sản xuất linh kiện, cụm linh kiện điện - điện tử cho các thiết bị điện tử gia dụng, thiết bị nghe nhìn, máy vi tính và thiết bị ngoại vi.

- Đầu tư dự án sản xuất điện tử, điện lạnh, các thiết bị thông tin viễn thông, thiết bị nghe nhìn kỹ thuật số.

- Khuyến khích, hỗ trợ, đẩy mạnh chuyển giao công nghệ sản xuất linh kiện điện, điện tử từ doanh nghiệp FDI sang các doanh nghiệp nội địa, tham gia dần vào chuỗi sản xuất toàn cầu.

- Tiếp tục thu hút đầu tư thêm dự án sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển trên cơ sở xem xét hiệu quả của dự án đầu tiên đã được đầu tư trên địa bàn tỉnh từ các năm trước.

- Thu hút các dự án đầu tư vào lĩnh vực điện tử y tế, linh kiện điện, điện tử cho các lĩnh vực thông tin truyền thông sử dụng công nghệ cao.

- Thu hút đầu tư dự án sản xuất các loại thiết bị cho máy phát điện khai thác nguồn năng lượng tái tạo (*gió, mặt trời, khí sinh học*).

- Tiếp tục kêu gọi vốn đầu tư nước ngoài vào ngành công nghiệp điện, điện tử, đặc biệt là các nhóm ngành sản phẩm kỹ thuật cao, hàm lượng công nghệ và vốn lớn nhằm phát triển ngành điện, điện tử theo hướng hiện đại.

b3. Ngành công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản

- Gắn kết và đồng hành với chương trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chương trình phát triển vùng trồng, chăn nuôi tập trung và các dự án trọng điểm của ngành nông nghiệp (*trong đó, bao gồm các dự án cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung của tỉnh*), nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững;

- Nâng tỷ lệ rau củ quả được sơ chế, chế biến bảo quản cung ứng ra thị trường theo hợp đồng tăng lên 15% sản lượng vào năm 2025 và lên 25% sản lượng vào năm 2030; Ưu tiên các dự án đầu tư chế biến sâu nhằm sản xuất các

sản phẩm mới khai thác nguồn sản vật của địa phương (*như sản phẩm đồ uống - nước giải khát từ hoa quả tươi và các loại nước uống bổ dưỡng, thực phẩm sấy khô, gia vị...*).

- Thực hiện dự án hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong sản xuất chế biến thức ăn chăn nuôi ứng dụng khoa học công nghệ nâng cao chất lượng sản phẩm đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định, khai thác tiêu thụ nguồn phụ phẩm, nông sản trên địa bàn và hợp đồng cung ứng thức ăn chăn nuôi phù hợp cho các trang trại chăn nuôi, nông hộ trên địa bàn trong và ngoài tỉnh.

- Đầu tư phát triển sản xuất chế biến các sản phẩm nguyên liệu làm thức ăn chăn nuôi theo hướng áp dụng công nghệ sinh học, công nghệ cao trong sản xuất các chế phẩm sinh học thay thế kháng sinh và xử lý môi trường chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản. Khuyến khích, ưu tiên thu hút thêm một số dự án sản xuất thức ăn chăn nuôi có sử dụng nguồn phụ phẩm nông sản từ các dự án chế biến nông sản và dự án chế biến thịt, cá, với quy mô phù hợp và trang thiết bị hiện đại hơn các dự án hiện có (*chế biến phụ phẩm nông nghiệp làm thức ăn chăn nuôi cho đàn gia súc ăn cỏ; chế biến bột thịt xương, bột máu, bột cá, bột khoáng... nhằm hạn chế ô nhiễm môi trường, tận thu khối lượng nguồn hữu cơ trong sản xuất*).

- Hỗ trợ, duy trì, xây dựng và phát triển thương hiệu sản phẩm hàng hóa, nguồn gốc xuất xứ trên địa bàn, đặc biệt ưu tiên các sản phẩm mang tính truyền thống, khai thác nguồn nông sản, mở rộng thị trường trong và ngoài nước.

- Khuyến khích đầu tư các dự án chế biến thịt, thủy sản quy mô vừa và lớn có kho đông lạnh, đáp ứng tiêu chuẩn thị trường trong nước và xuất khẩu.

- Duy trì, ổn định công suất các dự án sản xuất rượu bia, nước giải khát, nước khoáng trên địa bàn tỉnh, đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Xây dựng chương trình dự án hỗ trợ nâng cấp, đổi mới trang thiết bị chế biến gỗ, sản xuất đồ gỗ mỹ nghệ, đồ nội thất và tổ chức sắp xếp lại sản xuất đáp ứng yêu cầu môi trường đối với các làng nghề mộc trên địa bàn.

- Theo nhu cầu thị trường, sau năm 2025, thu hút thêm hoặc nâng công suất đầu tư các dự án sản xuất giấy bao bì đáp ứng cho đóng gói các dự án sản xuất chế biến thực phẩm, dệt may, da giầy, ... trên địa bàn.

b4. Ngành công nghiệp hóa chất

Tập trung phát triển nhóm sản xuất bao bì, vật liệu xây dựng, nhựa, cao su. Trong đó:

- Sản xuất bao bì: cần phát triển là bao bì cho sản phẩm nông nghiệp, cho thực phẩm công nghệ, cho xi măng, hóa chất, phân bón, cho vận tải container.

Mở rộng quy mô và nâng công suất sản xuất bao bì cho mỹ phẩm, chất tẩy rửa, thực phẩm.

- Vật liệu xây dựng nhựa và trang trí: tập trung sản xuất ống cấp và thoát nước, ống phục vụ tưới tiêu, cáp ngầm ngành điện, tấm lợp, lót sàn, tấm trần, vách ngăn... Trước mắt cần mở rộng những nhà máy sẵn có và tập trung vào sản xuất nhựa tấm, thanh nhựa định hình để thay thế vật liệu gỗ và ống nhựa PVC, PE để xuất khẩu sang Lào, Campuchia và một số quốc gia khác.

- Nhựa công nghiệp: Tăng dần tỷ trọng sản phẩm nhựa kỹ thuật cao phục vụ công nghiệp, trước hết là công nghiệp ô tô, điện tử, điện lạnh, ti vi, máy tính, điện thoại, đồ chơi cao cấp,... Cần có chính sách riêng để thu hút các công ty nước ngoài vào lĩnh vực này.

- Công nghiệp sản xuất sản phẩm cao su: Chỉ tập trung sản xuất các sản phẩm cao su kỹ thuật như: dây đai các loại, săm lốp xe đạp, xe máy, ô tô, xe chuyên dùng, băng tải, các loại gioăng, đệm chống va cho các cầu cảng, quả lô, chi tiết cho giầy, dụng cụ thể thao... Trước mắt, đầu tư chiều sâu, huy động hết năng lực sản xuất hiện có.

- Chú trọng phát triển công nghiệp sản xuất các chất kháng sinh. Giai đoạn tiếp sau từ nguồn hoạt chất thiên nhiên, tiến hành tổng hợp, chuyển hóa thành các loại hóa dược có tác dụng cao hơn, mới hơn, có hiệu quả kinh tế cao hơn, có thể xuất khẩu. Tăng cường các cơ sở sản xuất hóa chất trung gian cho công nghiệp dược, đồng thời cho sản xuất thuốc thú y, chất điều hòa sinh trưởng.

b5. Ngành công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng

Phát triển ngành vật liệu xây dựng phù hợp với quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Hải Dương đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 và phù hợp với các Quy hoạch, chiến lược phát triển của các Bộ, ngành Trung ương. Các sản phẩm cụ thể quy hoạch gồm: xi măng; vật liệu xây dựng, vật liệu lợp, vật liệu ốp lát, đá xây dựng, cát xây dựng, bê tông cấu kiện, vôi, vật liệu chịu lửa, các loại vật liệu xây dựng khác.

b6. Ngành công nghiệp dệt may - da giày

- Định hướng, bổ sung các dự án lớn trên lĩnh vực dệt may, da giầy vào Quy hoạch triển ngành dệt may, da giầy Việt Nam, giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025, như: dự án dệt Pacific VN và dự án may Tinh Lợi, dự án đầu tư sản xuất giầy thể thao của Tập đoàn Regina Miracle...

- Hạn chế thu hút thêm các dự án có tính chất xả thải ảnh hưởng lớn tới môi trường như các dự án dệt nhuộm, in, thuộc da (*những dự án lớn phải được nghiên cứu kỹ trước khi quyết định*)... Tập trung ổn định phát triển và kiểm soát

ô nhiễm môi trường đối với các dự án dệt may da giầy đã cấp phép đang tiến hành đầu tư phát triển và hoạt động sản xuất trên địa bàn. Rà soát hiệu quả đầu tư đảm bảo môi trường của các dự án dệt may lớn trên địa bàn; đôn đốc các dự án đã đăng ký đầu tư mở rộng theo đúng tiến độ để tăng hiệu quả sử dụng đất. Phát triển ngành dệt may - da giày gắn với việc kiểm soát các tiêu chí về đảm bảo môi trường, tăng tiêu chuẩn hàng dệt may xuất khẩu của tỉnh.

- Khuyến khích các nhà đầu tư ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, cải tiến đổi mới công nghệ sản xuất, giảm tiêu hao năng lượng, để hạ giá thành, nâng cao chất lượng sản phẩm, sử dụng các nguyên vật liệu thân thiện với mới môi trường để nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước.

- Duy trì và phát triển các nghề truyền thống (*ươm tơ, da giầy, thêu ren*) theo hướng xây dựng phát triển mẫu mã, thương hiệu vùng miền, nâng cao năng suất chất lượng, bảo vệ môi trường sống, mở rộng thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước, góp phần tăng thu nhập cải thiện đời sống của người dân. Xây dựng chương trình dự án hỗ trợ nâng cấp, đổi mới trang thiết bị ươm tơ kéo sợi và tổ chức sắp xếp lại sản xuất đáp ứng thị trường đối với làng nghề ươm tơ tằm truyền thống tại huyện Kinh Môn. Nghiên cứu hướng đầu tư các dự án (*nhà đầu tư trong nước làm chủ công nghệ*) về sản xuất công nghiệp hỗ trợ ngành dệt may, da giầy cho giai đoạn sau 2025.

b7. Ngành công nghiệp chế biến khoáng sản

- Tiếp tục thực hiện công tác thăm dò và thăm dò bổ sung để nâng cấp trữ lượng khoáng sản trên cơ sở ứng dụng các phương pháp có công nghệ cao.

- Tăng cường đầu tư đổi mới công nghệ tiên tiến, hiện đại nhằm nâng cao mức độ cơ giới hóa, hợp lý hóa các khâu khai thác, chế biến các loại khoáng sản.

- Điều tiết hợp lý về vùng nguyên liệu cung ứng khoáng sản phục vụ chế biến, ưu tiên cho các dự án chế biến có quy mô phù hợp, sử dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại, hoạt động sản xuất tốt trên địa bàn để nâng cao hệ số sử dụng hiệu quả khoáng sản.

- Rà soát các dự án chế biến sâu sử dụng quặng trên địa bàn tỉnh, sắp xếp lại các cơ sở sản xuất (*lựa chọn cơ sở hoạt động có hiệu quả, có công nghệ tốt, không gây ô nhiễm môi trường*) cùng với quy hoạch vùng nguyên liệu hợp lý đảm bảo cho hoạt động sản xuất khả thi. Loại bỏ các dự án sản xuất không hiệu quả, gây ô nhiễm môi trường hoặc đầu tư cầm chừng (*thu hồi giấy phép, ưu tiên cho chuyển đổi mô hình sản xuất kinh doanh, hợp tác liên kết đổi mới công nghệ sản xuất...*).

- Tập trung khai thác có hiệu quả và chế biến sâu các loại khoáng sản phù hợp với nhu cầu và khả năng tiêu thụ, thực hiện khai thác các khoáng sản phục vụ sản xuất vật liệu xây dựng tuân thủ Quy hoạch, Điều chỉnh quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh; Khai thác tập trung gắn với giải pháp hoàn thổ từng điểm mỏ, cải tạo và phục hồi môi trường.

- Chuyển dần sang chế biến nguyên, vật liệu xây dựng nhân tạo thay thế nguyên, vật liệu tự nhiên tùy theo tiến độ khoa học kỹ thuật và theo yêu cầu thị trường *(như: cát nhân tạo, gạch không nung, tấm ngăn, vữa xây...)*.

b8. Ngành công nghiệp sản xuất, phân phối điện nước

* Lĩnh vực sản xuất và phân phối điện:

- Ưu tiên và tạo điều kiện thuận lợi để triển khai các dự án đầu tư phát triển nguồn sản xuất và lưới điện truyền tải quốc gia theo tổng sơ đồ VII, tập trung dự án nhiệt điện Kinh Môn.

- Đẩy mạnh việc xây dựng, chú trọng đến công tác bảo vệ môi trường các công trình Nhà máy điện góp phần phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bổ sung nguồn điện cho địa phương.

- Đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng, cải tạo, hoàn thiện hệ thống lưới điện đảm bảo đáp ứng nhu cầu, nâng cao chất lượng điện áp và độ tin cậy cung cấp điện, triển khai thực hiện tốt Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Hải Dương giai đoạn 2016-2025, có xét đến năm 2035.

- Lưới điện thiết kế phải tuân thủ các tiêu chuẩn của ngành điện, lưới 220kV và 110kV được thiết kế mạch vòng hoặc cấp điện từ 02 đường dây đến (*đảm bảo theo tiêu chí N-1*), cải tạo lưới điện phân phối trung áp về 02 cấp điện áp quy chuẩn là 35kV và 22kV, cải tạo và xây dựng mới lưới điện hạ áp đồng bộ, đảm bảo mỹ quan và nâng cao độ tin cậy, an toàn cung cấp điện.

* Lĩnh vực sản xuất và cung cấp nước:

- Cấp nước đô thị: Khai thác hợp lý, tiết kiệm có hiệu quả công suất các nhà máy, trạm cấp nước hiện có và tăng cường đầu tư mở rộng, đầu tư mới (*cho những nơi chưa có*) và đồng bộ hoá trên toàn mạng; nâng cấp và đầu tư mới hệ thống xử lý nước tại các nhà máy nhằm nâng cao chất lượng nước sinh hoạt cho người dân.

- Cấp nước nông thôn:

+ Các khu vực nông thôn đã có hệ thống cấp nước có khả năng kết nối trực tiếp với hệ thống cấp nước đô thị (*các xã vùng ven của các thị trấn thuộc các huyện*): đấu nối và sử dụng chung với hệ thống cấp nước của các đô thị.

+ Các khu vực nông thôn xa đô thị: Đối với xã ở gần các lưu vực sông lớn (*có nguồn nước thô đảm bảo trữ lượng và chất lượng*) xây dựng trạm cấp nước nông thôn quy mô cấp nước cho một khu vực liên xã; Khu vực không thuận tiện khai thác nguồn nước thô từ sông lớn định hướng cấp nước từ khu vực khác sang (*từ trạm cấp nước đô thị hoặc trạm cấp nước khu vực xã lân cận*).

- Cấp nước công nghiệp: Những khu công nghiệp và cụm công nghiệp nằm gần thành phố, thị xã, các thị trấn sẽ lấy nước từ hệ thống cấp nước tập trung tại các khu vực này. Đối với các khu công nghiệp và cụm công nghiệp nằm riêng lẻ sẽ đầu tư công trình cấp nước cục bộ, tuỳ theo nguồn nước từng khu vực để có những lựa chọn phù hợp.

- Định hướng phát triển mạng lưới truyền dẫn nước

Mạng lưới truyền dẫn nước phải phù hợp với quy hoạch xây dựng vùng của Tỉnh và các quy hoạch chung xây dựng trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố. Đối với khu vực đô thị mới phải quy hoạch mạng vòng để đảm bảo tính liên tục của hệ thống.

- Phân vùng cấp nước:

Dựa trên sự phân bố nguồn tài nguyên nước, điều kiện địa hình, mật độ phân bố dân cư và điều kiện kinh tế - xã hội phân vùng cấp nước tỉnh Hải Dương thành 8 vùng: Vùng 1: Lấy thành phố Hải Dương làm trung tâm phát triển mạng lưới cấp nước đến huyện Nam Sách, huyện Gia Lộc, huyện Cẩm Giàng và huyện Bình Giang. Nguồn nước thô lấy từ sông Thái Bình và sông Kinh Thầy; Vùng 2: gồm toàn bộ địa phận thị xã Chí Linh, nguồn cung cấp nước thô lấy từ sông Thương, sông Kinh Thầy; Vùng 3: gồm toàn bộ địa phận huyện Thanh Hà, nguồn cấp nước thô lấy từ sông Thái Bình, sông Rạng; Vùng 4: gồm toàn bộ địa phận huyện Ninh Giang, nguồn nước thô lấy từ sông Luộc; Vùng 5: gồm toàn bộ địa phận huyện Tứ Kỳ, nguồn nước thô lấy từ sông Thái Bình và sông Luộc; Vùng 6: gồm bộ khu vực huyện Thanh Miện và khu vực liền kề của huyện Ninh Giang, phía Nam huyện Gia Lộc, xã Bình Xuyên (*Bình Giang*), nguồn nước thô lấy từ sông Luộc; Vùng 7: gồm toàn bộ khu vực huyện Kinh Môn, nguồn nước thô từ sông Kinh Thầy, sông Kinh Môn, sông Mạo Khê (*sông Đá Vách*); Vùng 8: gồm toàn bộ khu vực huyện Kim Thành, nguồn nước thô lấy từ sông Kinh Thầy, sông Kinh Môn, sông Rạng.

b9. Ngành công nghiệp môi trường

- Tập trung huy động các nguồn vốn đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải, rác thải sinh hoạt ở thành phố Hải Dương, thị xã Chí Linh và các thị trấn, khu du lịch. Tại thành phố Hải Dương và các thị xã, thị trấn, nâng cấp, cải tạo lại

hệ thống thoát nước tiến đến xây tách hệ thống thoát nước thải với hệ thống thoát nước mưa, xây dựng hệ thống thoát nước kiên cố ở các khu dân cư nông thôn. Đến năm 2020, tất cả các đô thị trong tỉnh đều có hệ thống thoát và xử lý nước thải kiên cố.

- Xây dựng hệ thống xử lý rác thải trong toàn tỉnh, mỗi thị trấn, thị xã có 1- 2 khu thu gom rác thải. Phấn đấu đến năm 2020, tỷ lệ rác thải sinh hoạt được thu gom và xử lý tại khu vực đô thị đạt 90% và 100% vào năm 2030, tỷ lệ thu gom và xử lý rác thải khu vực nông thôn đạt 75% vào năm 2020 và nâng lên 90% vào năm 2030. Các Khu, cụm công nghiệp đều có khu thu gom rác thải, xử lý nước thải. Đến 2020, toàn tỉnh có 3- 4 khu tập trung xử lý rác thải với công nghệ hiện đại, trong đó có 1 điểm xử lý chất thải rắn nguy hại.

5. Quy hoạch không gian phát triển công nghiệp theo vùng

a) Định hướng phát triển Khu, cụm công nghiệp

- Tích cực nâng cao tỷ lệ lấp đầy tại các khu công nghiệp, đảm bảo hiệu quả cao, sử dụng tiết kiệm và có hiệu quả tài nguyên đất đai

- Phát triển các khu, cụm công nghiệp theo chiều sâu và nâng cao chất lượng hiệu quả thu hút đầu tư. Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu bên trong thông qua thu hút, lựa chọn các doanh nghiệp có công nghệ cao, thân thiện môi trường, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp có giá trị gia tăng cao, có sức lan tỏa lớn.

- Phân bố các khu, cụm công nghiệp hợp lý, ngành nghề khuyến khích đầu tư phải phù hợp với đặc điểm kinh tế xã hội, tạo hạt nhân phát triển các tiểu vùng. Ưu tiên thu hút các dự án có đầu tư hàm lượng kỹ thuật cao, sử dụng công nghệ mới, tiên tiến, sản xuất sản phẩm mới và sử dụng ít lao động vào các khu, cụm công nghiệp.

- Chỉ thu hút các doanh nghiệp vào đầu tư sản xuất kinh doanh trong các khu công nghiệp khi đã xây dựng nhà máy xử lý nước thải tập trung, đồng bộ và đầy đủ cơ sở hạ tầng theo quy hoạch được duyệt cho từng giai đoạn. Hạn chế việc cấp phép các dự án sản xuất công nghiệp ở ngoài các khu, cụm công nghiệp.

- Tăng cường phòng ngừa ô nhiễm và suy thoái môi trường khi phát triển công nghiệp tại các khu dân cư, khu bảo tồn thiên nhiên, các khu du lịch trọng điểm, khu nuôi trồng thủy sản, các nguồn nước... nhằm đảm bảo phát triển bền vững. Giảm thiểu ô nhiễm môi trường do các hoạt động công nghiệp, đặc biệt chú trọng vấn đề xử lý nước thải, khí thải, chất rắn công nghiệp và chất thải nguy hại; nâng cao năng lực quản lý ô nhiễm công nghiệp tương ứng với tốc độ phát triển công nghiệp của Tỉnh và thực hiện hiệu quả các chính sách, quy định của quốc gia và tỉnh về bảo vệ môi trường.

b) Định hướng phát triển không gian công nghiệp

Vùng 1- Vùng đồi núi phía Bắc của tỉnh, bao gồm: thị xã Chí Linh và huyện Kinh Môn, diện tích 445,5 km^2, dân số 319,4 nghìn người chiếm 26,9% diện tích và 18,6% dân số toàn tỉnh.

Định hướng phát triển thêm 04 cụm công nghiệp (*như vậy, đến năm 2025, vùng 1 sẽ có 01 khu công nghiệp và 12 cụm công nghiệp*). Cụ thể các khu công nghiệp, cụm công nghiệp bổ sung mới như sau:

04 cụm công nghiệp mới bao gồm: cụm công nghiệp Văn Đức - xã Văn Đức, thị xã Chí Linh, có quy mô diện tích là 50ha; cụm công nghiệp Thăng Long huyện Kinh Môn, có quy mô diện tích 50ha và cụm công nghiệp An Phụ huyện Kinh Môn, quy mô diện tích là 50ha và 01 cụm công nghiệp khu vực huyện Kinh Môn, quy mô diện tích khoảng 50ha.

Vùng 2- Vùng trung tâm Hải Dương, bao gồm: thành phố Hải Dương và 03 huyện Cẩm Giàng, Nam Sách, Kim Thành. Vùng nằm dọc theo hành lang QL5, có diện tích 404,7 km^2 chiếm tỷ lệ 24,5% diện tích toàn tỉnh.

Định hướng phát triển vùng 2 thêm 04 khu công nghiệp và 04 cụm công nghiệp (*như vậy, đến năm 2025, vùng 2 sẽ có 13 khu công nghiệp và 18 cụm công nghiệp)*. Cụ thể các khu, cụm công nghiệp bổ sung mới như sau:

+ Khu công nghiệp Lương Điền - Ngọc Liên huyện Cẩm Giàng, quy mô diện tích khoảng 150ha.

+ KCN Quốc Tuấn - An Bình huyện Nam Sách, quy mô diện tích khoảng 180ha.

+ Khu công nghiệp Kim Thành huyện Kim Thành, quy mô diện tích khoảng 164,98ha.

+ Khu công nghiệp Kim Thành 2, huyện Kim Thành, quy mô diện tích khoảng 460ha.

+ 04 Cụm công nghiệp mới bao gồm: Cụm công nghiệp Nam Hồng - Hồng Phong, huyện Nam Sách, có quy mô diện tích 50ha; Cụm công nghiệp Đồng Lạc, huyện Nam Sách, có quy mô diện tích 50ha; Cụm công nghiệp Cổ Dũng huyện Kim Thành, có quy mô diện tích 22ha; Cụm công nghiệp Đại Đức - Tam Kỳ huyện Kim Thành, có quy mô diện tích 50ha.

Vùng 3 - Vùng Nam Hải Dương: Bao gồm 06 huyện: Bình Giang, Thanh Miện, Gia Lộc, Ninh Giang, Thanh Hà, Tứ Kỳ, tổng diện tích 804,6 km^2, chiếm tỷ lệ 48,6% diện tích toàn tỉnh.

Định hướng phát triển vùng 3 thêm 05 khu công nghiệp và 05 cụm công nghiệp (*như vậy đến 2025, vùng 3 sẽ có 05 khu công nghiệp và 16 cụm công nghiệp*). Cụ thể các khu, cụm công nghiệp bổ sung mới như sau:

+ Khu công nghiệp Bình Giang huyện Bình Giang, quy mô diện tích khoảng 800ha (*giai đoạn 1 là 450ha*).

+ Khu công nghiệp Thanh Hà huyện Thanh Hà, quy mô diện tích khoảng 400ha.

+ Khu công nghiệp Gia Lộc huyện Gia Lộc, quy mô diện tích 198ha.

+ Khu công nghiệp Hoàng Diệu huyện Gia Lộc, quy mô diện tích 250 ha.

+ Khu công nghiệp Hưng Đạo huyện Tứ Kỳ, có quy mô diện tích khoảng 200ha.

+ 05 cụm công nghiệp bao gồm: cụm công nghiệp Bình Minh - Tân Hồng huyện Bình Giang, diện tích khoảng 48ha; cụm công nghiệp Tân Phong huyện Ninh Giang, diện tích 50ha; cụm công nghiệp Tiền Tiến huyện Thanh Hà, có quy mô diện tích 50ha; cụm công nghiệp Hà Đông 1, 2 huyện Thanh Hà, có quy mô diện tích 2x50ha.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương khoá XVI, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 11 tháng 7 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 21 tháng 7 năm 2018./.

Nơi nhận:
- Ủy ban TV Quốc hội;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Bộ Công thương;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tư pháp (*Cục Kiểm tra VB*);
- Ban Công tác Đại biểu;
- Ban Thường vụ Tỉnh uỷ;

(*để báo cáo*)

- TT HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh uỷ, UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Thường trực HĐND và UBND các huyện, TX, TP;
- Báo Hải Dương, Công báo tỉnh;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Mạnh Hiển